

Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ34,500
Tiềm năng tăng/giảm: 24.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (8/1/2025)	27,800
Mã Bloomberg	HVN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,300-36,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	27,417
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	61,549
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,426
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,214
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	664
Slg CP NN được mua (tr.đv)	500
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.42%
Tỷ lệ freefloat	6.99%
Cổ đông lớn	nhà nước tại doanh ng (55.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	91,540	104,257	106,287
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,399	10,766	11,575
LNTT (tỷ đồng)	(5,363)	8,052	4,788
LNT ĐC (tỷ đồng)	(5,930)	7,161	3,871
FCF (tỷ đồng)	686	3,424	3,934
EPS ĐC (đồng)	(2,678)	3,234	1,748
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	(7,910)	(4,677)	(2,929)
T.trưởng EBITDA (%)	179	217	7.51
T.trưởng EPS ĐC (%)	47.5	221	(45.9)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.71	10.3	10.9
Tỷ suất LNTT (%)	(5.86)	7.72	4.51
Tỷ suất LNT ĐC (%)	(6.48)	6.87	3.64
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	(143)	(208)	(270)
ROAE (%)	40.8	(51.4)	(46.0)
ROACE (%)	(96.2)	(1,343)	132
EV/doanh thu (lần)	0.95	0.80	0.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	25.6	7.74	6.85
P/E ĐC (lần)	N/a	8.60	15.9
P/B (lần)	(3.51)	(5.94)	(9.49)
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietnam Airlines là hãng hàng không quốc gia Việt Nam, được thành lập từ năm 1995

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

HVN tham gia vào các dự án tại sân bay Long Thành

- Các công ty con của HVN đã trúng thầu và trở thành nhà đầu tư cho 4 trong tổng số 13 dự án phụ trợ thuộc Dự án thành phần 4 của dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (LTIA) giai đoạn 1.
- Các dự án trúng thầu bao gồm cơ sở sửa chữa tàu bay (hangar), dịch vụ mặt đất và dịch vụ cung cấp suất ăn, với tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 3 nghìn tỷ đồng và thời gian thi công khoảng 18 tháng, hoàn thành vào nửa cuối năm 2026. HVN sẽ tổ chức ĐHCĐ bất thường vào ngày 21/1 để xin phê duyệt việc huy động vốn.
- HSC vẫn chưa đưa các dự án này cũng như việc huy động vốn liên quan vào mô hình dự báo. Chúng tôi hiện khuyến nghị Mua vào đối với HVN với giá mục tiêu 34.500đ (tiềm năng tăng giá 24%).

Sự kiện: Các dự án đầu tư mới trong giai đoạn 1 của LTIA

Dự án thành phần 4 trong giai đoạn 1 của LTIA có tổng cộng 13 dự án phụ trợ, bao gồm hai dự án về dịch vụ mặt đất, hai dự án về dịch vụ cung cấp suất ăn, ba dự án về trung tâm điều hành hàng không và sáu dự án hangar bảo dưỡng tàu bay. Các công ty con của HVN (thông qua ba pháp nhân) đã được chọn làm nhà đầu tư cho bốn dự án trong số này, bao gồm dự án dịch vụ mặt đất số 1, dự án cung cấp suất ăn số 1 và hai hangar bảo dưỡng tàu bay (số 1 và số 4).

Tổng vốn đầu tư ước tính/công bố cho bốn dự án này là khoảng 3 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, HVN cũng đã nộp đơn xin làm chủ đầu tư cho hai hangar số 2 và số 3. Nếu thành công, tổng vốn đầu tư dự kiến/ước tính cho tất cả các dự án của HVN tại đây sẽ vào khoảng 4,5 nghìn tỷ đồng.

Chi tiết dự án

Dự án dịch vụ mặt đất số 1

Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS, HVN sở hữu 100% cổ phần) đã trúng thầu dự án này, với mục tiêu cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị hàng không và dịch vụ kỹ thuật mặt đất cho sân bay.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 9/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Các dự án đầu tư của HVN tại LTIA

HVN trúng thầu 4 dự án phụ trợ và đang xúc tiến tham gia đấu thầu 2 dự án phụ trợ khác

Dự án	Nhà đầu tư	Vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian thi công (tháng)	Khởi công	Kế hoạch hoàn thành
I Trúng thầu		3,015			
1. Dịch vụ mặt đất số 1	VIAGS	790	18 tháng	1Q25	2H26
2. Cung cấp suất ăn số 1	VACS	655	18 tháng	1Q25	2H26
3. Hangar bảo dưỡng tàu bay số 1 và số 4	VAEC	1,570	18 tháng	1Q25	2H26
II Đang tham gia đấu thầu		1,570			
Hangar bảo dưỡng tàu bay số 2 và số 3	N/a	1,570	18 tháng	N/a	N/a

Nguồn: HVN

Vốn đầu tư dự kiến cho dự án này chưa được công bố. Tuy nhiên, HSC ước tính vốn đầu tư có thể sẽ tương đương với vốn đầu tư công bố là 790 tỷ đồng cho dự án dịch vụ mặt đất số 2, được trao cho liên doanh giữa CTCP Dịch vụ mặt đất Sài Gòn (SGN; chưa khuyến nghị) và CTCP Dịch vụ mặt đất Hà Nội (HGS; tư nhân/chưa niêm yết). Liên doanh này và VIAGS sẽ là hai nhà đầu tư cung cấp dịch vụ mặt đất tại giai đoạn 1 của LTIA sau khi hoàn thành.

Dự án cung cấp suất ăn số 1

Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam (VACS), cũng thuộc sở hữu hoàn toàn của HVN, là một trong hai nhà đầu tư trúng thầu dự án cung cấp suất ăn tại giai đoạn 1 của LTIA; CTCP Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam (VINACS; tư nhân/chưa niêm yết) là nhà đầu tư còn lại.

Dự án có công suất 20.000 suất ăn mỗi ngày, trên diện tích 31.000 m² với vốn đầu tư ước tính lên tới 655 tỷ đồng. Thời gian thi công dự kiến là 18 tháng và dự án sẽ bắt đầu khởi công từ Q1/2025.

Hangar bảo dưỡng tàu bay số 1 và số 4

Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay Việt Nam (VAECO), cũng thuộc sở hữu hoàn toàn của HVN, đã trúng thầu các dự án này, vượt qua Vietjet Aviation (VJC; nắm giữ, giá mục tiêu 105.000đ).

Đối với mỗi dự án, vốn đầu tư dự kiến vào khoảng 785 tỷ đồng trên diện tích 45.525 m². Đáng chú ý, HVN cũng đã nộp đơn xin làm chủ đầu tư cho các hangar bảo dưỡng số 2 và số 3. Nếu được chấp thuận, HVN sẽ là nhà đầu tư cho bốn trong số sáu hangar tại Giai đoạn 1 của LTIA.

ĐHCD bắt thường vào ngày 21/1

Trong kỳ họp Quốc hội gần đây, HVN đã được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên tới 22 nghìn tỷ đồng – gấp đôi vốn điều lệ hiện tại – thông qua phát hành quyền mua cổ phiếu với mệnh giá (10.000đ/cp). Kế hoạch phát hành quyền mua dự kiến sẽ được chia thành hai giai đoạn:

- Trong giai đoạn một, HVN dự kiến tăng vốn điều lệ thêm 9 nghìn tỷ đồng (theo tỷ lệ 2,4:1) thông qua phát hành quyền mua cổ phiếu cho tất cả các cổ đông hiện hữu, bao gồm cả cổ đông Nhà nước và cổ đông ngoài Nhà nước. Về phía cổ đông Nhà nước, hiện Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (CMSC) và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) nắm giữ lần lượt 55,2% và 31,1% cổ phần tại HVN. Ở giai đoạn này, SCIC sẽ đại diện cho cổ đông Nhà nước mua toàn bộ số quyền mua HVN phát hành cho SCIC và CMSC.
- Trong giai đoạn hai, HVN dự kiến tăng vốn điều lệ thêm tối đa 13 nghìn tỷ đồng thông qua một đợt phát hành quyền mua cổ phiếu khác cho các cổ đông hiện hữu. Lúc đó, Chính phủ sẽ lựa chọn một đơn vị được ủy quyền để mua quyền mua cho Nhà nước.

HVN sẽ tổ chức ĐHCĐ bắt thường vào ngày 21/1 để xin ý kiến cổ đông thông qua việc triển khai giai đoạn đầu của kế hoạch phát hành quyền mua cổ phiếu này. Vốn huy động được sẽ dùng để trả nợ và tài trợ cho các dự án đầu tư, bao gồm các dự án tại LTIA (như đã đề cập ở trên) và mở rộng đội tàu bay.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu 34.500đ

Ở giai đoạn này, HSC chưa đưa vào mô hình dự báo giá định về kế hoạch phát hành quyền mua mới và bốn dự án phụ trợ mới trong Giai đoạn 1 của LTIA. Chúng tôi sẽ đưa vào mô hình các yếu tố này sau khi có đủ thông tin để ước tính doanh thu và lợi nhuận đóng góp cho HVN. Vì các dự án Giai đoạn 1 của LTIA dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động vào cuối năm 2026, các dự án phụ trợ này có thể sẽ bắt đầu đóng góp đáng kể vào doanh thu từ năm 2027, giúp doanh thu thực hiện có thể cao hơn so với dự báo hiện tại của chúng tôi.

HSC hiện duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu 34.500đ (tiềm năng tăng giá 24%) cũng như các dự báo. Chúng tôi ưa thích HVN nhờ câu chuyện phục

hồi, tình trạng cạnh tranh giảm do các đối thủ thu hẹp quy mô hoạt động, tình trạng thiếu hụt tàu bay và định giá hấp dẫn.

HVN đang giao dịch với EV/EBITDAR trượt dự phóng 1 năm là 3,3 lần so với mức 4,1 lần trước COVID trong khi KQKD của hãng đã vượt qua mức trước đại dịch nhờ điều kiện thị trường thuận lợi hơn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	70,410	91,540	104,257	106,287	111,292
Lợi nhuận gộp	(2,876)	3,885	12,291	13,113	13,446
Chi phí BH&QL	(4,964)	(6,473)	(6,777)	(6,909)	(7,234)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	(7,840)	(2,587)	5,514	6,205	6,212
Lãi vay thuần	(3,452)	(3,479)	(2,865)	(1,834)	(1,564)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	74.1	88.2	194	204	214
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	273	615	5,209	214	224
LNTT	(10,945)	(5,363)	8,052	4,788	5,087
Chi phí thuế TNDN	(278)	(269)	(452)	(456)	(479)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(75.1)	(299)	(440)	(462)	(485)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(11,298)	(5,930)	7,161	3,871	4,123
Lợi nhuận thuần ĐC	(11,298)	(5,930)	7,161	3,871	4,123
EBITDA ĐC	(4,304)	3,399	10,766	11,575	11,592
EPS (đồng)	(5,102)	(2,678)	3,234	1,748	1,862
EPS ĐC (đồng)	(5,102)	(2,678)	3,234	1,748	1,862
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,214	2,214	2,214	2,214	2,214
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,214	2,214	2,214	2,214	2,214
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,214	2,214	2,214	2,214	2,214

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	2,490	2,551	1,584	2,266	7,688
Đầu tư ngắn hạn	897	920	834	850	890
Phải thu khách hàng	4,898	6,122	6,025	6,142	6,431
Hàng tồn kho	2,875	3,431	3,284	3,348	3,506
Các tài sản ngắn hạn khác	1,170	1,860	1,676	1,709	1,789
Tổng tài sản ngắn hạn	12,330	14,884	13,404	14,316	20,305
TSCĐ hữu hình	16,033	13,706	11,218	8,773	6,330
TSCĐ vô hình	174	148	182	219	259
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	662	507	1,914	1,916	1,924
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,183	1,299	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	30,254	27,173	23,790	21,213	18,805
Tổng tài sản dài hạn	48,306	42,833	37,104	32,122	27,318
Tổng cộng tài sản	60,636	57,717	50,508	46,437	47,623
Nợ ngắn hạn	13,400	17,562	12,875	9,317	6,849
Phải trả người bán	28,175	30,797	20,851	15,943	14,468
Nợ ngắn hạn khác	9,744	12,280	13,541	13,805	14,455
Tổng nợ ngắn hạn	51,800	61,171	47,874	39,684	36,419
Nợ dài hạn	14,868	9,806	10,002	10,202	10,407
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.03	1.27	1.45	1.48	1.55
Nợ dài hạn khác	5,023	3,764	2,546	2,596	2,718
Tổng nợ dài hạn	19,892	13,572	12,550	12,800	13,126
Tổng nợ phải trả	71,692	74,743	60,424	52,484	49,546
Vốn chủ sở hữu	(11,563)	(17,515)	(10,357)	(6,486)	(2,363)
Lợi ích cổ đông thiểu số	507	489	440	440	440
Tổng vốn chủ sở hữu	(11,056)	(17,026)	(9,917)	(6,046)	(1,923)
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,636	57,717	50,508	46,437	47,623
BVPS (đ)	(5,222)	(7,910)	(4,677)	(2,929)	(1,067)
Nợ thuần*/(tiền mặt)	25,778	24,817	21,293	17,254	9,568

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	(7,840)	(2,587)	5,514	6,205	6,212
Khấu hao	(3,536)	(5,986)	(5,252)	(5,370)	(5,379)
Lãi vay thuần	(3,452)	(3,479)	(2,865)	(1,834)	(1,564)
Thuế TNDN đã nộp	(274)	(231)	(434)	(456)	(479)
Thay đổi vốn lưu động	13,337	(971)	(10,198)	(5,956)	(2,319)
Khác	(2,714)	(2,579)	3,464	(917)	(626)
LCT thuần từ HKKD	6,894	1,004	3,742	4,206	7,865
Đầu tư TS dài hạn	(952)	(318)	(318)	(272)	(290)
Góp vốn & đầu tư	(1,531)	(1,095)	100	105	110
Thanh lý	864	834	0.00	0.00	0.00
Khác	3,075	1,246	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,456	667	(218)	(167)	(180)
Cổ tức trả cho CSH	(409)	(306)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(4,041)	1,621	(4,490)	(3,358)	(2,264)
Khác	(3,154)	(2,928)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(7,604)	(1,613)	(4,490)	(3,358)	(2,264)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,714	2,490	2,551	1,584	2,266
LCT thuần trong kỳ	746	57.6	(967)	682	5,422
Ảnh hưởng của tỷ giá	30.9	3.14	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,490	2,551	1,584	2,266	7,688
Dòng tiền tự do	5,941	686	3,424	3,934	7,575

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	(4.08)	4.24	11.8	12.3	12.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(6.11)	3.71	10.3	10.9	10.4
Tỷ suất LNT (%)	(16.0)	(6.48)	6.87	3.64	3.70
Thuế TNDN hiện hành (%)	(2.54)	(5.02)	5.61	9.52	9.41
Tăng trưởng doanh thu (%)	152	30.0	13.9	1.95	4.71
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	60.3	179	217	7.51	0.15
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	12.5	47.5	221	(45.9)	6.53
Tăng trưởng EPS (%)	35.5	47.5	221	(45.9)	6.53
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	36.1	47.5	221	(45.9)	6.53
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	224	40.8	(51.4)	(46.0)	(93.2)
ROACE (%)	(51.1)	(96.2)	(1,343)	132	69.2
Vòng quay tài sản (lần)	1.14	1.55	1.93	2.19	2.37
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.88)	(0.39)	0.68	0.68	1.27
Số ngày tồn kho	14.3	14.3	13.0	13.1	13.1
Số ngày phải thu	24.4	25.5	23.9	24.1	24.0
Số ngày phải trả	140	128	82.8	62.5	54.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(224)	(143)	(208)	(270)	(416)
Nợ/tài sản (%)	46.9	47.8	45.8	42.6	36.8
EBIT/lãi vay (lần)	(2.27)	(0.74)	1.92	3.38	3.97
Nợ/EBITDA (lần)	(6.61)	8.11	2.15	1.71	1.51
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.24	0.24	0.28	0.36	0.56
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.25	0.95	0.80	0.75	0.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	(20.4)	25.6	7.74	6.85	6.17
P/E (lần)	N/a	N/a	8.60	15.9	14.9
P/E ĐC (lần)	N/a	N/a	8.60	15.9	14.9
P/B (lần)	(5.32)	(3.51)	(5.94)	(9.49)	(26.1)
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn